TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/DS-ST
Ngày: 26-6-2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN –THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Sơn.

2. Ông Dương Văn nghiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phố.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-DS ngày 09/01/2018 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-DS ngày 10/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-DS ngày 01/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Khu vực T, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ. *(Có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hoàng D** – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Cần Thơ. *(Có mặt)*

Bị đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu vực B, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ. *(Có đơn xin vắng mặt)*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Mai Văn U**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khu vực B, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ. *(Có đơn xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày:*

Vào ngày 01/01/2015, bà Trần Thị N có hỏi mượn bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000103/QSDĐ do UBND huyện Ô Môn (cũ) cấp ngày 03/4/2002 do bà là Trần Thị P đứng tên. Mục đích bà N mượn giấy đất của bà để vay của ông Mai Quốc C số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Do quyền sử dụng đất do bà đứng tên nên bà N nhờ bà ký tên vào hợp đồng vay số tiền 250.000.000 đồng. Do bà N có mối quan hệ thân thiết nên bà đồng ý đứng ra ký tên vay nhưng bà không có nhận tiền vay mà do bà N trực tiếp nhận. Ngoài ra, việc đóng lãi và nghĩa vụ trả nợ là do bà N đứng ra chịu trách nhiệm với ông Chương.

Đến khi hợp đồng vay đã hết hạn nhưng bà N không chịu trả gốc và lãi cho ông Chương, bà đã nhiều lần đến nhà bà N để yêu cầu bà N đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà N không đưa cho bà và có viết biên nhận hẹn bà đến tháng 2/2016 thì trả tiền và giấy đất cho bà.

Do không đòi nợ được bà N nên ông Mai Quốc C đã khởi kiện bà và Tòa án đã xét xử buộc bà phải trả cho ông C với số tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 48.000.000 đồng, tổng cộng là 298.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi tám triệu đồng).

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà N trả lại cho bà tổng số tiền là 298.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi tám triệu đồng)

** Tại Bản tự khai ngày 06/02/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị N trình bày:*

Vào tháng 01 năm 2015, do đáo hạn ngân hàng nhưng bà không có tiền nên bà có nhờ bà Trần Thị P đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà P đứng tên để vay tiền bên ngoài dùm cho bà số tiền 250.000.000 đồng. bà có hứa với bà P sau khi trả nợ rồi ngân hàng cho vay lại thì bà trả lại tiền cho bà P. Tuy nhiên, sau đó ngân hàng không cho vay lại nên bà chỉ đóng lãi được một thời gian rồi ngưng, cho đến nay bà vẫn chưa trả tiền nợ gốc và lãi cho bà P. Nay bà đồng ý trả cho bà P số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi là 48.000.000

đồng, tổng cộng là 298.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi tám triệu đồng) nhưng xin được trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 6/2018 cho đến khi dứt nợ.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn U trình bày:*

Ông là chồng của bà Trần Thị N, còn bà Trần Thị P thì có quan hệ họ hàng xa với gia đình ông. Ông không có mượn giấy đất của bà P để vay tiền của ông Chương. Giữa bà P và bà N có thỏa thuận vay tiền như thế nào ông không biết và ông cũng không biết bà N sử dụng số tiền vay vào mục đích gì. Do đó, ông không đồng ý liên đới chịu trách nhiệm cùng bà N trả cho bà P số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định. Nếu bà N có nợ bà P số tiền đó thì tự bà N chịu trách nhiệm trả nợ, ông không có liên quan gì đến số nợ này.

Tại phiên hòa giải, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình. Do đó, vụ kiện được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay,

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm: Tại biên nhận ngày 16/7/2016 cũng như tại phiên hòa giải, bà N đã thừa nhận có nợ bà P số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi là 48.000.000 đồng, tổng cộng là 298.000.000 đồng. Bà N có yêu cầu được trả dần nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do đó, căn cứ Khoản 2 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N trả một lần cho nguyên đơn số tiền 298.000.000 đồng. Ngoài ra, yêu cầu ông U liên đới chịu trách nhiệm cùng bà N trả số tiền nợ trên cho nguyên đơn.

- Nguyên đơn bà Trần Thị P thống nhất ý kiến với quan điểm của ông Nguyễn Hoàng D. Bà P yêu cầu bà Trần Thị N và ông Mai Văn U liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 48.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Trần Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn U có đơn xin vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp đòi lại tài sản", xác định tư cách đương sự và tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định.

+ Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, bị đơn vay tiền dùng vào việc cá nhân nên không phải nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà N trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 48.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông U liên đới chịu trách nhiệm trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tài sản nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp đòi lại tài sản*". Đây là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn U có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Do có quan hệ họ hàng nên ngày 01/01/2015, bà P có thế chấp cho ông C 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000103/QSDĐ do UBND huyện Ô Môn (cũ) cấp ngày 03/4/2002, do bà Trần Thị P đứng tên để vay dùm bà N số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Bà P đã đưa toàn bộ số tiền vay được cho bà N, sau đó, bà N là người trực tiếp đóng lãi. Bà N có viết Giấy biên nhận ngày 16/7/2016 và cam kết khi vay được tiền ngân hàng sẽ trả cả vốn và lãi cho bà P, nhưng do ngân hàng không cho vay lại nên bà N không trả tiền vốn và lãi cho bà P. Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn thì bà P phải trả cho ông Mai Quốc C số tiền 298.000.000 đồng. Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu bà N và ông U cùng chịu trách nhiệm trả lại số tiền này cho bà P.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà P cho rằng số nợ trên là do bà N nhờ bà P vay dùm nên yêu cầu bà N trả lại để bà P thanh toán nợ cho ông C. Bà N thừa nhận có nhờ bà P vay tiền dùm và cho đến nay còn nợ bà P số tiền gốc và lãi là 298.000.000 đồng. Đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà P đối với bà N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc bà N yêu cầu được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến dứt nợ, do nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà N.

Đối với yêu cầu của bà P về việc yêu cầu ông U liên đới chịu trách nhiệm trả tiền cho bà P thì theo Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 21/6/2018 thì bà N cho rằng đây là thỏa thuận giữa bà với bà P, ngoài ra ông U không biết và không liên quan đến số nợ này nên bà N đồng ý tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà P. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2018, ông U cũng không thừa nhận việc nhờ bà P vay tiền và cũng không biết bà N sử dụng tiền vào mục đích gì. Điều này cho thấy không có sự thỏa thuận giữa bà N với ông U về việc vay tiền và sử dụng số tiền vay, giao dịch vay tiền do bà N tự xác lập với bà P không nhằm đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của gia đình cũng không thuộc các trường hợp khác được quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không có cơ sở để buộc ông U liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền trên cho bà P.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ có căn cứ về việc buộc bà N trả số tiền 298.000.000 đồng. Do đó, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông U liên đới chịu trách nhiệm trả nợ là không phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị N phải chịu án phí theo quy định. Nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đề cập đến.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 256 và Điều 305 Bộ luật dân sự 2005.

- Điều 27, Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P đối với bà Trần Thị N. Buộc bà Trần Thị N trả cho bà Trần Thị P số tiền 298.000.000 đồng *(Hai trăm chín mươi tám triệu đồng)*.

(Trong đó, nợ gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 48.000.000 đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Mai Văn U liên đới chịu trách nhiệm trả nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải nộp số tiền 14.900.000 đồng *(Mười bốn triệu, chín trăm nghìn đồng)*.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q.Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phan Thanh Sơn	**Dương Văn Nghiêm**	**Bùi Trần Thanh Thế**